TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 24/2019/HNGĐ-PT Ngày 13-11-2019 V/v tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự Sinh.

Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H; cư trú tại: Đường Hoàng Văn Thái, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông Lê Quốc D; cư trú tại: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị H, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị H, trình bày:

- Bà và ông Lê Quốc D đã ly hôn theo Bản án dân sự số: 01/2015/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 01 năm 2015, của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, tuy nhiên về tài sản của bà và ông D thì chưa giải quyết phân chia khi ly hôn.

- Nay bà xác định tài sản chung của bà và ông D trong thời kỳ hôn nhân gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 riêng lẻ, được xây trên thửa đất diện tích 143,9m^2 tại địa chỉ phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Bà yêu cầu được chia 50% giá trị tài sản nhà đất nói trên và nhận giá trị bằng tiền, còn hiện vật là nhà đất thì giao cho ông D sở hữu sử dụng.

Bị đơn ông Lê Quốc D, trình bày: Các nội dung về ly hôn và tài sản chung thì ông thống nhất như bà Phạm Thị H đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, về nguồn gốc thửa đất mà bà H yêu cầu chia là do ông được Trung đoàn 683 (nay là Lữ đoàn 683) – Cục Vận tải – Tổng cục Hậu cần cấp cho cá nhân ông khi kết hôn với bà H. Mặt khác, hiện tại ông đang trực tiếp nuôi con Lê Thắng Lợi, sinh ngày 13-7-2005 và ở trong ngôi nhà này. Nên đề nghị Tòa án xem xét chia cho ông 70% giá trị tài sản nhà đất nói trên và được nhận hiện vật; thối trả giá trị tính thành tiền cho bà H.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Công ty cổ phầm thẩm định giá BTCVALUE, kết luận đối với tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và giá trị nhà ở tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 174, địa chỉ phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là 2.041.504.528 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất ở 1.864.257.165 đồng và giá trị nhà ở 177.247.363 đồng. Giá trị tài sản được định giá này đã được ông D và bà H thống nhất theo định giá trên.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019, của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ các điều 33, 38 và 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Lê Quốc D.

Tuyên xử:

Tài sản là 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 131m^2, nhà xây trên diện tích đất 143,9m^2 tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 174 tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, được Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23-11-2009 là tài sản chung của bà Phạm Thị H và ông Lê Quốc D; có giá trị 2.041.504.000 đồng, trong đó giá trị đất 1.864.257.000 đồng và giá trị nhà 177.247.000 đồng; được chia cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thị H được nhận giá trị nhà và đất tương đương số tiền 647.900.600 đồng

- Ông Lê Quốc D được nhận giá trị nhà và đất tương đương số tiền 1.393.603.400 đồng.

Giao cho ông Lê Quốc D tài sản là nhà và đất nói trên tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Ông Lê Quốc D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền 647.900.600 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án; án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 06-9-2019, bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia cho bà 50% giá trị quyền sử dụng đất tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị H về yêu cầu được chia 50% giá trị quyền sử dụng đất tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, thì thấy:

Cục Vận tải – Tổng cục Hậu cần đã có quyết định cấp cho ông Lê Quốc D thửa đất diện tích 144m^2 tại xã Hòa Khánh, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, nay là phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là nhà đất tại tổ 12). Năm 1998, ông D kết hôn với bà Phạm Thị H và về làm nhà chung sống ở nhà đất tại tổ 12. Sau đó, ông D làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có lập Giấy thỏa thuận đồng sở hữu ghi ngày 03 tháng 8 năm 2009 để cho bà H cùng đứng tên sở hữu nhà đất tại tổ 12; ngày 23 tháng 11 năm 2009, ông D và bà H được Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông D và bà H ly hôn theo Bản án số 01/2015/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; còn về tài sản thì chưa chia.

Như vậy, xác định được thời kỳ hôn nhân thì ông D và bà H đã tạo lập được tài sản trên đất là ngôi nhà và các công trình xây dựng khác tại tổ 12, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà H để chia cho bà 50% giá trị tài sản này là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối với quyền sử dụng đất tại tổ 12, thì thấy: Cục Vận tải – Tổng cục Hậu cần đã cấp đất cho cá nhân ông Lê Quốc D; trong thời kỳ hôn nhân, ngày 03-8-2009 thì ông D mới có văn bản để

cho bà H cùng đứng tên quyền sử dụng đất, như vậy xác định được nguyên trước đây tài sản này là của ông D tạo lập, do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm chia cho ông D 70% giá trị và chia cho bà H 30% giá trị; tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản thân bà H đã cùng chung sống với ông D tại đây từ khi kết hôn năm 1998 cho đến khi ly hôn năm 2015, bà đã có đóng góp công sức trong việc quản lý, bảo quản, làm tăng giá trị quyền sử dụng đất tại tổ 12 như hiện nay nên cần xem xét chia cho bà 35% giá trị quyền sử dụng đất và phần còn lại chia của ông D, đồng thời giao cho ông D được sở hữu sử dụng nhà đất, là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp, nên cần sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H.

[2] Về chia giá trị quyền sử dụng đất cụ thể như sau: Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Công ty cổ phầm thẩm định giá BTCVALUE, kết luận đối với tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và giá trị nhà ở tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 174, địa chỉ phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là 2.041.504.528 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất ở 1.864.257.165 đồng và giá trị nhà ở 177.247.363 đồng, đã được ông Lê Quốc D và bà Phạm Thị H thống nhất về giá. Nên giá trị quyền sử dụng đất chia cho bà H là 652.490.007 đồng (1.864.257.165 đồng x 35%); cộng với giá trị quyền sở hữu nhà chia cho bà H là 88.623.682; tổng cộng giá trị tài sản bà H được chia là 741.113.689 đồng. Tổng giá trị tài sản còn lại được chia cho ông D là 1.300.390.839 đồng.

[3] Về án phí:

Do sửa bản án sơ thẩm về xác định lại tỷ lệ tài sản chia cho ông D và bà H nên cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với

phần tài sản bà được chia là 33.644.547 đồng. Ông Lê Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản ông được chia là 51.011.725 đồng.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Phạm Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp kháng cáo của bà Phạm Thị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 25/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019, của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019, của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 33 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với ông Lê Quốc D về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

2. Chia hiện vật là nhà, đất tại địa chỉ phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cho ông Lê Quốc D tính thành tiền là 1.300.390.839 (Một tỷ, ba trăm triệu, ba trăm chín mươi ngàn, tám trăm ba mươi chín đồng).

3. Chia giá trị nhà, đất tại địa chỉ phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cho bà Phạm Thị H tính thành tiền là 741.113.689 đồng (Bảy trăm bốn mươi mốt triệu, một trăm mười ba ngàn, sáu trăm tám mươi chín đồng).

Ông Lê Quốc D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền được chia nói trên là 741.113.689 đồng (Bảy trăm bốn mươi mốt triệu, một trăm mười ba ngàn, sáu trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Giao cho ông Lê Quốc D quyền sở hữu sử dụng nhà, đất tại địa chỉ phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23 tháng 11 năm 2009.

Ông Lê Quốc D có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 33.644.547 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005941 ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; bà H còn phải nộp 21.644.547 đồng (Hai mươi mốt triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn, năm trăm bốn mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 51.011.725 đồng (Năm mươi mốt triệu, không trăm mười một ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng).

Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà H 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006434 ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hà Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự Sinh **Đỗ Thị Thúy Năng** **Ngô Hà Nam**